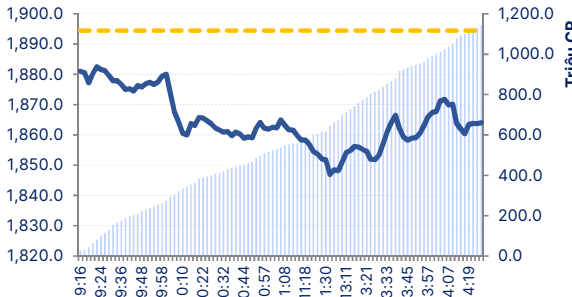


Phiên giao dịch ngày:

15/1/2026

| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX        |
|---------------------|---------------|------------|
| Index               | 1,864.80      | 253.16     |
| % Thay đổi Index    | ↓ -1.56%      | ↓ -0.06%   |
| KLGD (CP)           | 1,242,574,036 | 86,944,717 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 41,050.32     | 2,035.18   |
| % Thay đổi GTGD     | -11.59%       | -30.61%    |

#### Diễn biến VN-INDEX



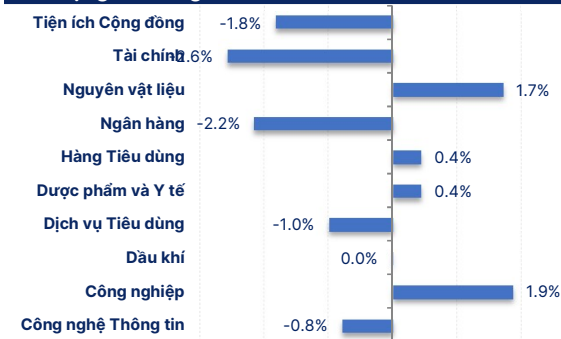
#### Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

|                          |                          |                         |                         |
|--------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>VIC</b><br>213.47 tỷ  | <b>VCI</b><br>-149.38 tỷ | <b>SHB</b><br>-97.13 tỷ | <b>VJC</b><br>-69.90 tỷ |
| <b>VCB</b><br>161.14 tỷ  | <b>SSI</b><br>-143.97 tỷ | <b>VRE</b><br>-93.24 tỷ | <b>VNM</b><br>-68.64 tỷ |
| <b>MSN</b><br>-159.88 tỷ | <b>VIX</b><br>-123.81 tỷ | <b>FPT</b><br>-85.82 tỷ | <b>TCX</b><br>56.43 tỷ  |
|                          |                          | <b>HDB</b><br>-82.68 tỷ | <b>CTG</b><br>-52.87 tỷ |
|                          |                          |                         | <b>STB</b><br>51.08 tỷ  |

GT Bán: -4557.82

3715.99 : GT Mua

#### Biến động nhóm ngành



#### Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



## DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Sau áp lực bán, điều chỉnh mạnh trong phiên trước khi VNINDEX hướng đến vùng giá quanh 1.920 điểm. Thị trường tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh trong phiên hôm nay với diễn biến có tính chất đầu cơ, xoay vòng nhanh ở nhiều nhóm mã. VNINDEX trong phiên chịu áp lực điều chỉnh về 1.845 điểm và phục hồi nhẹ. Kết phiên VNINDEX giảm -29,64 điểm (-1,56%) về mức 1.864,80 điểm, dưới vùng giá tâm lý quanh 1.900 điểm. Trong khi VN30 giảm -19,62 điểm (-0,95%) về mức 2.047,48 điểm, dưới giá cao nhất năm 2025 quanh 2.055 điểm.

Độ rộng trên HOSE vẫn về tích cực, mức độ phân hóa mạnh với 177 mã tăng giá. Phân hóa mạnh và có tính chất xoay vòng nhanh. Nổi bật ở một số mã cao su, khu công nghiệp, phân bón, hóa chất, thép, công nghệ, viễn thông, bảo hiểm, hàng không, tiêu dùng... Trong khi tiếp tục chịu áp lực bán mạnh ở nhóm VinGroup và các mã đầu ngành ngân hàng, dầu khí, bán lẻ... sau giai đoạn tăng giá mạnh với 147 mã giảm giá và 58 mã giữ giá tham chiếu... Thanh khoản thị trường bắt đầu giảm sau giai đoạn tăng mạnh, khối lượng giao dịch khớp lệnh trên HOSE giảm -10,2% so với phiên trước. Khối ngoại bán ròng phiên thứ 3 liên tiếp, với giá trị -841,8 tỷ đồng trên HOSE trong phiên hôm nay.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411G1000 đáo hạn ở mức 2.039,8 điểm, giảm -1,30% so với phiên trước. Thị trường chuyển sang kỳ hạn chính 411G2000, kết phiên ở mức 2.041,1 điểm. Chênh lệch âm mở rộng -6,38 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411G3000, 411G6000 chênh lệch âm từ -7,08 điểm đến -7,48 điểm. Cho thấy các trader bắt đầu kém lạc quan với xu hướng ngắn hạn của VN30. Ưu tiên phòng ngừa rủi ro cho thị trường cơ sở. Xu hướng ngắn hạn 411G2000 chịu áp lực kiểm tra lại vùng giá quanh 2.0050 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411G2000 là 12.106, tăng các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VNINDEX duy trì tăng trưởng trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.850 điểm, hỗ trợ mạnh hơn 1.800 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2025. Trong khi VN30 kém tích cực hơn dưới vùng giá cao nhất 2025. VNINDEX có thể tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá 1.800 điểm - 1.850 điểm.

Chúng tôi đã dự kiến thị trường sẽ chịu áp lực rung lắc mạnh khi đây không phải là vùng phải là vùng giá quá hấp dẫn để giải ngân thêm. Diễn biến hiện tại cho thấy sau giai đoạn thanh khoản tăng mạnh liên tục trong 10 phiên và vào vùng quá mua ngắn hạn khá mạnh. Thanh khoản thị trường đang bắt đầu chậm lại, nhiều mã ở vùng giá hiện tại không hấp dẫn để dòng tiền gia tăng thêm. Thị trường đang có tính chất xoay vòng nhanh ngắn hạn, mở rộng đầu cơ ở các chưa tăng nhiều. Các vị thế giải ngân nên được xem là đầu cơ ngắn hạn và đánh giá, kiểm soát các mức rủi ro nếu có.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| MÃ  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua<br>dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                       |                       | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
|     |                          |                                  |                           |                         | P/E             | T.trưởng<br>Doanh thu | T.trưởng Lợi<br>nhuận |                     |
| PET | 35.55                    | 31-32                            | 40-42                     | 29                      | 17.0            | -3.0%                 | 119.5%                | Theo dõi giải ngân  |
| GAS | 103.00                   | 61-63                            | 110-120                   | 59                      | 20.5            | 41.3%                 | 1.1%                  | Theo dõi giải ngân  |
| PVD | 29.05                    | 22-24                            | 31-33                     | 21                      | 18.1            | 5.4%                  | 53.1%                 | Theo dõi giải ngân  |

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

| Xu Hướng \ Thông Số             | Bất Động Sản      | Cảng- Vận tải   | Cao Su TN        | Chứng Khoán     | Công Nghệ          | Dầu Khí           | Dệt May-Da Giày   | Khu Công Nghiệp |
|---------------------------------|-------------------|-----------------|------------------|-----------------|--------------------|-------------------|-------------------|-----------------|
| Trung dài hạn                   | Tang Truong       | Điều Chỉnh      | Tang Truong      | Tang Truong     | Tang Truong        | Tang Truong       | Tích Luy          | Tang Truong     |
| Ngắn trung hạn                  | Tích Luy          | Tích Luy        | Tang Truong      | Tích Luy        | Tang Truong        | Tang Truong       | Tang Truong       | Tang Truong     |
| Dòng tiền trung hạn             | Duong_Tang        | Am_Tang         | Duong_Tang       | Am_Tang         | Money_in           | Duong_Tang        | Money_in          | Duong_Tang      |
| Hệ số VIX (normal - 200 > +200) | 18.2              | -249.1          | -246.1           | -142.0          | -220.3             | -293.8            | -137.2            | -221.3          |
| Tương quan- VNINDEX             | Yếu hơn-Kém hơn   | Tốt hơn-Kém hơn | Tốt hơn-Mạnh hơn | Yếu hơn-Kém hơn | Không đổi-Mạnh hơn | Yếu hơn-Mạnh hơn  | Tốt hơn-Kém hơn   | Tốt hơn-Kém hơn |
| Cổ phiếu TOP                    | VIC               | MVN             | PHR              | AGR             | VGI                | GAS               | TET               | PHR             |
|                                 | BCM               | DXP             | GVR              | SSI             | VTK                | PLX               | VDN               | GVR             |
| Xu Hướng \ Thông Số             | Bảo Hiểm          | Bán Lẻ          | Thép             | Thủy Sản        | Xây Dựng- VLXD     | Ngân Hàng         | Phân Bón-Hóa Chất | Hàng Không      |
| Trung dài hạn                   | Tang Truong       | Tang Truong     | Tang Truong      | Phục Hồi        | Tang Truong        | Tang Truong       | Suy Giảm          | Tích Luy        |
| Ngắn trung hạn                  | Tang Truong       | Tang Truong     | Tích Luy         | Tích Luy        | Phục Hồi           | Tang Truong       | Phục Hồi          | Tang Truong     |
| Dòng tiền trung hạn             | Tích Luy          | Duong_Tang      | Duong_Tang       | Duong_Tang      | Duong_Tang         | Money_in          | Am_Tang           | Am_Tang         |
| Hệ số VIX (normal - 200 > +200) | -292.3            | -409.4          | -140.7           | -117.8          | -6.3               | -284.5            | -90.8             | -142.8          |
| Tương quan- VNINDEX             | Tốt hơn-Mạnh hơn  | Yếu hơn-Kém hơn | Tốt hơn-Kém hơn  | Yếu hơn-Kém hơn | Tốt hơn-Kém hơn    | Yếu hơn-Kém hơn   | Tốt hơn-Kém hơn   | Tốt hơn-Kém hơn |
| Cổ phiếu TOP                    | BVH               | PSD             | POM              | VHC             | NTP                | BID               | NFC               | SAS             |
|                                 | PVI               | PET             | TVN              | ANV             | DHA                | CTG               | BFC               | VJC             |
| Xu Hướng \ Thông Số             | Điện              | Nông Nghiệp     | Dược             | VNIndex         | VN30               | HNXIndex          | UPCOM             | % Ngành tăng    |
| Trung dài hạn                   | Tang Truong       | Tang Truong     | Tang Truong      | Tang Truong     | Tang Truong        | Tích Luy          | Tang Truong       | 74              |
| Ngắn trung hạn                  | Tang Truong       | Tang Truong     | Tang Truong      | Tang Truong     | Tang Truong        | Tích Luy          | Tang Truong       | 65              |
| Dòng tiền trung hạn             | Am_Tang           | Am_Tang         | Tích Luy         | Duong_Tang      | Money_in           | Am_Tang           | Duong_Tang        | 30              |
| Hệ số VIX (normal - 200 > +200) | -233.3            | -116.3          | -262.3           | -322.0          | -311.3             | -49.2             | -274.8            | 57              |
| Tương quan- VNINDEX             | Không đổi-Kém hơn | Yếu hơn-Kém hơn | Tốt hơn-Kém hơn  | 78              | Yếu hơn-Kém hơn    | Không đổi-Kém hơn | Tốt hơn-Mạnh hơn  |                 |
| Cổ phiếu TOP                    | POW               | PAN             | DCL              |                 |                    |                   |                   |                 |
|                                 | NT2               | ANV             | DHG              |                 |                    |                   |                   |                 |

## TIN NỔI BẬT

Chiều 14/01/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, chủ trì Phiên họp lần thứ sáu của Ban Chỉ đạo.

### Thủ tướng: Phát thải ròng bằng '0' vào năm 2050 là sứ mệnh và cam kết hành động của Việt Nam

Thủ tướng chỉ rõ 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới: (1) Hoàn thiện thể chế phù hợp điều kiện, hoàn cảnh đất nước, tình hình diễn biến phức tạp và hài hòa hóa với các quy định của quốc tế; (2) Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực tài chính cho phát triển xanh; (3) Xây dựng quy trình, quy định chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển xanh, thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; (4) Xây dựng mô hình quản trị quốc gia về phát triển xanh, thông minh; (5) Đào tạo nhân lực cho phát triển xanh.

Trong bối cảnh áp lực giá cả tại Mỹ vẫn "dai dẳng," nhiều khả năng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) sẽ giữ nguyên lãi suất tại cuộc họp chính sách diễn ra cuối tháng 1/2026.

### Fed có thể giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp chính sách sắp tới

Theo báo cáo vừa công bố, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lõi, không tính giá thực phẩm và năng lượng dễ biến động, tăng 2,6% trong tháng 12/2025. Con số này mặc dù thấp hơn dự báo 2,7% của thị trường, song cao hơn mục tiêu 2% của Fed. Trong bối cảnh áp lực giá cả tại Mỹ vẫn "dai dẳng," nhiều khả năng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) sẽ giữ nguyên lãi suất tại cuộc họp chính sách diễn ra cuối tháng 1/2026. Trước đó, Chủ tịch Fed chi nhánh New York, ông John Williams, tối 12/1, cho biết lãi suất hiện đang ở vị thế tốt để vừa hỗ trợ thị trường lao động, vừa đưa lạm phát đi xuống. Ông Williams nhấn mạnh rằng sau 3 lần cắt giảm vào cuối năm 2025, Fed đang tiến gần đến trạng thái cân bằng. Điều này đánh tín hiệu rằng Fed sẽ giữ nguyên lãi suất ở biên độ hiện tại 3,5-3,75% trong thời gian tới.

Xuất khẩu của Trung Quốc tăng trưởng vượt dự báo trong tháng 12, đẩy thặng dư thương mại cả năm lên mức cao kỷ lục.

### Xuất khẩu bút phá, Trung Quốc thặng dư thương mại kỷ lục 1.200 tỷ USD trong năm 2025

Trong tháng 12/2025, xuất khẩu Trung Quốc tăng vọt 6,6% tính theo USD so với cùng kỳ, theo số liệu hải quan Trung Quốc công bố trong ngày 14/01. Con số này vượt xa dự báo trung vị của các nhà phân tích là tăng 3%, đồng thời tăng tốc so với mức tăng 5,9% trong tháng 11. Nhập khẩu tăng 5,7% trong tháng 12 so với cùng kỳ, cũng vượt kỳ vọng tăng 0,9% và là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 9 năm ngoái. Tính cả năm, xuất khẩu của Trung Quốc tăng 5,5% so với năm 2024, trong khi nhập khẩu gần như đi ngang, qua đó đưa thặng dư thương mại của Bắc Kinh lên 1.190 ngàn tỷ USD.

Giá vàng tăng vọt lên mức cao kỷ lục mới trong phiên ngày 14/01, trong khi bạc cũng nhảy vọt, khi những bất ổn địa chính trị và kinh tế thúc đẩy nhà đầu tư tìm đến các tài sản trú ẩn an toàn. Kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất tiếp tục tạo thêm động lực cho đà tăng.

### Vàng lập kỷ lục gần 4.650 USD, bạc vọt hơn 6% lên 92 USD

"Gần như mọi con đường đều đang dẫn tới vàng và bạc," ông Alex Ekbikian, Giám đốc điều hành (COO) của Allegiance Gold, nhận định, cho biết nhu cầu đang đến từ nhiều nhóm nhà đầu tư khác nhau và thị trường kim loại quý hiện đang ở trong một chu kỳ tăng giá mang tính cấu trúc. Giá bạc giao ngay tăng mạnh 6,4% lên 92,53 USD/oz, sau khi cũng thiết lập mức đỉnh lịch sử mới. "Dự báo ngắn hạn của chúng tôi nằm trong khoảng 100-144 USD/oz," đồng thời cho rằng kim loại quý nhiều khả năng sẽ duy trì xu hướng tăng ít nhất trong suốt quý 1/2026.

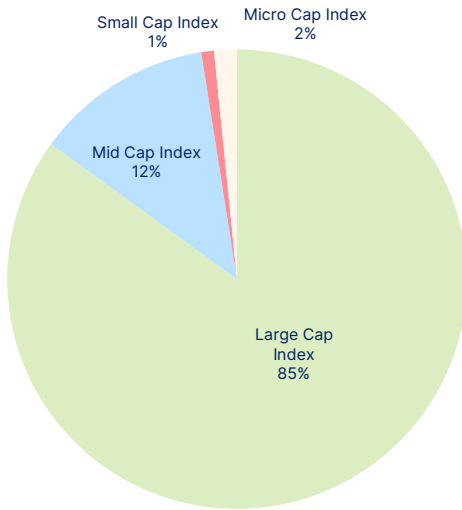
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV, HOSE: BID) vừa công bố Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt giá cổ phần chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư, cũng như triển khai phương án chào bán.

### BIDV chào bán riêng lẻ với giá 38.900 đồng/cp, huy động gần 10,3 ngàn tỷ đồng

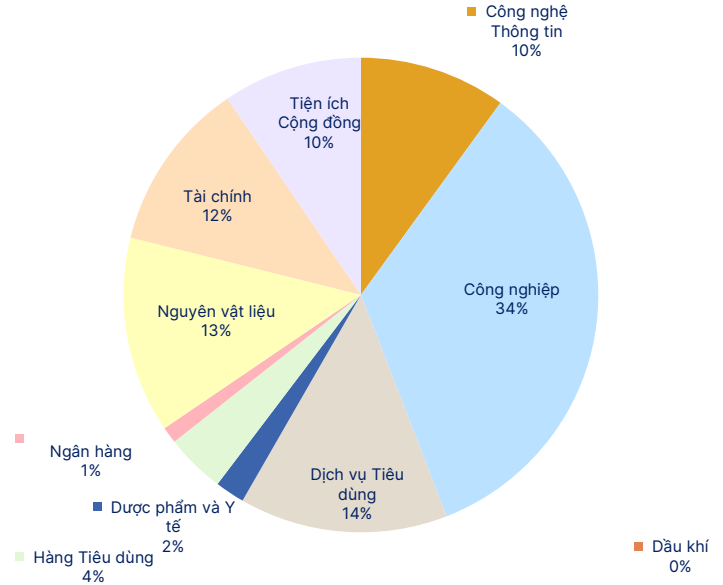
Đáng chú ý, mức giá chào bán được phê duyệt là 38.900 đồng/cp. Trong thực tế, thị giá của cổ phiếu BID cũng chỉ mới tăng vọt gần đây, hòa cùng với đà tăng giá đột biến của nhóm cổ phiếu quốc doanh lớn theo sau tin tức về nghị quyết phát triển kinh tế Nhà nước của Bộ Chính Trị. Các nghị quyết do BIDV công bố ngày 14/01 cũng tiết lộ danh sách 33 nhà đầu tư tham gia vào thương vụ. Trong đó, những bên mua lớn nhất là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), nhóm quỹ liên quan đến Dragon Capital, Công ty TNHH Manulife - Việt Nam và nhà đầu tư ngoại Darasol Investment Limited.

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| VIC | 1,234,506 | 5.6%  | 1,147 | 139.6 | 7.6 |
| VCB | 635,031   | 16.8% | 4,202 | 18.1  | 2.9 |
| VHM | 518,766   | 11.7% | 6,134 | 20.6  | 2.2 |
| BID | 382,664   | 16.7% | 3,781 | 14.4  | 2.3 |
| CTG | 321,940   | 21.0% | 4,292 | 9.7   | 1.9 |

Top KLGD lớn nhất

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 86,904,268 | 19.0% | 2,577 | 6.5  | 1.2 |
| VIX | 70,761,222 | 24.1% | 2,766 | 8.9  | 1.9 |
| HPG | 61,992,891 | 11.9% | 1,876 | 14.5 | 1.6 |
| SSI | 42,504,795 | 13.0% | 1,841 | 18.1 | 2.2 |
| HDB | 38,598,996 | 23.2% | 3,065 | 9.0  | 1.9 |

Top 5 cổ phiếu tăng giá

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|--------|-------|---------|------|-----|
| GEE | ↑ 7.0% | 44.5% | 9,095   | 23.0 | 9.5 |
| VPG | ↑ 7.0% | -6.5% | (1,160) | -    | 0.3 |
| PGV | ↑ 6.9% | 4.7%  | 638     | 33.8 | 1.5 |
| MIG | ↑ 6.9% | 0.0%  | -       | -    | 1.5 |
| DLG | ↑ 6.9% | 27.9% | 762     | 3.4  | 0.9 |

Top 5 cổ phiếu giảm giá

| Mã  | +/-%    | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| BID | ↓ -7.0% | 16.7%  | 3,781   | 14.4 | 2.3 |
| HU1 | ↓ -6.9% | 4.2%   | 622     | 10.8 | 0.4 |
| FDC | ↓ -6.4% | 7.6%   | 919     | 18.7 | 1.4 |
| OPC | ↓ -6.0% | 12.0%  | 1,699   | 13.8 | 1.6 |
| TCR | ↓ -5.9% | -18.0% | (1,338) | -    | 0.4 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| VCB | 2,205,746 | 16.8% | 4,202 | 18.1  | 2.9 |
| MBB | 1,765,335 | 19.4% | 3,017 | 9.0   | 1.6 |
| VIC | 1,386,641 | 5.6%  | 1,147 | 139.6 | 7.6 |
| KHG | 1,213,200 | 1.2%  | 145   | 48.6  | 0.6 |
| CII | 1,202,000 | 0.4%  | 80    | 232.6 | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

| Mã  | KL bán      | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | (5,902,000) | 19.0% | 2,577 | 6.5  | 1.2 |
| VIX | (4,924,656) | 24.1% | 2,766 | 8.9  | 1.9 |
| SSI | (4,375,878) | 13.0% | 1,841 | 18.1 | 2.2 |
| VCI | (4,271,098) | 8.8%  | 1,563 | 22.7 | 1.8 |
| VRE | (3,056,258) | 11.1% | 2,144 | 14.8 | 1.6 |

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Trưởng BP Chiến lược Thị trường**

**Phan Tấn Nhật**

[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Vĩ Mô**

**Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy**

[Duy.vt@shs.com.vn](mailto:Duy.vt@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội  
Tel: (84-24)-3818 1888  
Fax: (84-24)-3818 1688.  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội  
Tel: (84-24)-3818 1888  
Fax: (84-24)-3818 1688.  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, TP.HCM  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03 Lê Đình Lý, Phường Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)